

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 3935 /UBND-KT

V/v báo cáo kết quả thực hiện Đề
án phòng, chống sạt lở bờ sông,
bờ biển đến năm 2030

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 14 tháng 06 năm 2023

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và PTNT

Thực hiện Văn bản 3310/BNN-ĐĐ ngày 23/5/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc báo cáo kết quả thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo kết quả như sau:

1. Về tổ chức thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển

a) Kết quả xây dựng kế hoạch tổng thể phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 của địa phương.

- Cơ bản các vị trí sạt lở xung yếu đã được đầu tư bằng các công trình kè cứng để bảo đảm an toàn cho người dân và các cơ sở hạ tầng quan trọng, thiết yếu.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về công trình phòng, chống sạt lở bờ biển, bờ sông trên địa bàn toàn tỉnh.

- Xây dựng Đề án đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa, các công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định để làm cơ sở triển khai thực hiện.

- Khoanh vùng các khu vực sạt lở nguy hiểm và tổ chức di dời dân đến khu vực an toàn.

- Tổ chức cắm biển cảnh báo tại những khu vực bị sạt lở để người dân được biết.

b) Việc thực hiện các quy định của pháp luật trong xử lý các vi phạm gây sạt lở bờ sông, bờ biển, nhất là việc khai thác cát ở lòng sông, xây dựng công trình, nhà ở ven sông, ven biển còn nhiều khó khăn và hầu như chưa thể xử lý được. Nguyên nhân là do (i) thiếu kinh phí để di dời các hộ dân đã sinh sống và tồn tại từ lâu ở ven sông (các hộ dân trong thời gian dài đã tiến hành xây dựng, lấn chiếm vào lòng dẫn sông); (ii) việc khai thác cát trong thời gian dài đã làm suy giảm nguồn cát trên sông, gây ra tình trạng sạt lở bờ sông trên cả đoạn sông ở thượng lưu, tuy nhiên, để đánh giá ảnh hưởng cụ thể của một vị trí khai thác cát ở lòng sông còn gặp nhiều khó khăn.

c) Kết quả thực hiện đầu tư xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn tỉnh (Phụ lục 1 kèm theo).

Trong giai đoạn từ năm 2020 đến nay trên địa bàn tỉnh đã triển khai xây dựng 62,32 km đê, kè, với tổng kinh phí hơn 1.240 tỷ đồng; trong đó 58,99 km công trình bảo vệ sông, 2,44 km công trình bảo vệ bờ biển.

2. Đánh giá kết quả thực hiện

a) Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện đề án

- Hiện nay, các hoạt động khai thác cát trên sông để đáp ứng nhu cầu xây dựng, phát triển kinh tế xã hội rất lớn, trong khi chưa có quy định cụ thể về khoảng cách của các vị trí khai thác cát đến bờ sông, công trình thủy lợi. Các hoạt động khai thác cát đã và đang là một phần nguyên nhân chính làm gia tăng tình trạng sạt lở bờ sông, ảnh hưởng đến hoạt động các công trình thủy lợi trên sông (đập dâng, trạm bơm).

- Chưa có số liệu điều tra, quan trắc về lượng bùn cát hằng năm bổ sung trên sông để làm cơ sở đề xuất khối lượng khai thác cát hằng năm.

- Vốn đầu tư các công trình phòng chống sạt lở bờ biển rất lớn, do đó cần sự hỗ trợ kinh phí từ Trung ương.

- Các hoạt động xây dựng phát triển kinh tế, xây dựng hạ tầng làm thay đổi, chiếm dụng các khu vực trước đây có chức năng là vùng chứa lũ, chậm lũ dẫn đến lưu tốc dòng chảy trên sông nhanh hơn, làm gia tăng sạt lở.

- Khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng, di dời các hộ dân nằm ven sông đã sinh sống do tồn tại từ lâu.

- Việc ứng dụng các tiến bộ tiên bộ khoa học mới trong xử lý sạt lở bờ sông còn ít do hạn chế nguồn lực, kinh phí.

- Các tổ chức, cá nhân chưa tham gia đầu tư các công trình phòng tránh sạt lở, chủ yếu việc đầu tư công trình chống sạt lở là từ nguồn vốn nhà nước.

b) Đánh giá hiệu quả của các công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đã được đầu tư xây dựng từ năm 2020 đến nay.

- Các điểm sạt lở xung yếu cơ bản đã được đầu tư xây dựng bảo đảm an toàn cho người dân và hạ tầng kỹ thuật quan trọng.

- Tăng cường khả năng thoát lũ trên sông, ổn định bờ sông.

- Tạo cảnh quan môi trường ở các khu vực ven sông.

d) Tổng hợp các khu vực sạt lở bờ sông, bờ biển đặc biệt nguy hiểm, nhưng chưa được bố trí vốn để đầu tư xây dựng công trình.

Khu vực sạt lở đề xuất 12,79 km, nhu cầu kinh phí là 1.094,35 tỷ đồng (Phụ lục 2 kèm theo).

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục QLDD&PCTT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC 1
TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH PHÒNG CHỐNG SẠT LỞ BỜ SÔNG, BỜ BIỂN ĐÃ HOÀN THÀNH
VÀ ĐÃ CÓ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẰNG CÁC NGUỒN VỐN TỪ NĂM 2020 ĐẾN NAY
(Kèm theo Văn bản số: /UBND-KT ngày /2023 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Tên công trình	Tuyến sông , bờ biển	Chiều dài (m)	Kết cấu công trình	Kinh phí (đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
	Tổng		62.320,54		1.240.134.305.788		
I	Công trình bảo vệ bờ sông		59.879,54		1.116.234.305.788		
1	Đê sông An Lão, thị trấn An Lão và xã An Hòa	Sông An Lão	1538,65	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	12.932.008.000	Vốn vay ngân hàng thế giới WB từ nguồn vốn IDA và vốn đối ứng ngân sách nhà nước	
2	Kè suối Quán Dưa, xã Hoài Sơn, huyện Hoài Nhơn	Suối Quán Dưa	2.028,2	Thân kè đắp đất, đầm chặt K=0,95. Mái phía sông gia cố đá hộc lát khan dày 20cm	12.824.286.000	Vốn vay ngân hàng thế giới WB từ nguồn vốn IDA và vốn đối ứng ngân sách nhà nước	
3	Kè chống sạt lở bờ sông Kim Sơn, thôn Phú Hữu, xã Ân Tường Tây và thôn Xuân Sơn, xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân	Sông Kim Sơn	793,5	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	7.947.324.000	Vốn vay ngân hàng thế giới WB từ nguồn vốn IDA và vốn đối ứng ngân sách nhà nước	

TT	Tên công trình	Tuyến sông, bờ biển	Chiều dài (m)	Kết cấu công trình	Kinh phí (đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
4	Kè chống sạt lở sông Kim Sơn (Kè Truong Gò Bông)	Sông Kim Sơn	856,3	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	14.639.344.000	Vốn ngân sách tỉnh huyện và vốn hỗ trợ khắc phục lũ lụt	
5	Kè chống sạt lở bờ sông Kim Sơn đoạn thôn Nhơn Sơn, xã Ân Nghĩa và đoạn suối Tem xã Bok Tới, huyện Hoài Ân	Sông Kim Sơn	982,2	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	9.206.083.000	Vốn vay ngân hàng thế giới WB từ nguồn vốn IDA và vốn đối ứng ngân sách nhà nước	
6	Đê sông La Tinh, hạ lưu cầu Phù Ly	Sông La Tinh	1.285,0	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	23.048.678.000	Vốn vay ngân hàng thế giới WB từ nguồn vốn IDA và vốn đối ứng ngân sách nhà nước	
7	Đê sông La Tinh, hạ lưu cầu An Mỹ	Sông La Tinh	838,0				
8	Đê Chánh Hùng, xã Cát Thành, huyện Phù Cát	Suối Chánh Thắng	609,0	Thân kè đắp đất, đầm chặt K=0,95. Mái phía sông gia cố đá hộc lát khan dày 20cm	3.888.801.000	Vốn vay ngân hàng thế giới WB từ nguồn vốn IDA và vốn đối ứng ngân sách nhà nước	

TT	Tên công trình	Tuyến sông, bờ biển	Chiều dài (m)	Kết cấu công trình	Kinh phí (đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
9	Khắc phục kè đá thượng hạ lưu Đập Quang		1.190,4	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	9.832.505.000	Vốn vay ngân hàng thế giới WB từ nguồn vốn IDA và vốn đối ứng ngân sách nhà nước	
10	Sửa chữa, khắc phục Đê sông Đại An	Sông Đại An	1.617,0	Thân kè đắp đất, đầm chặt K=0,95. Mái phía sông gia cố đá học lát khan dày 20cm	17.428.133.000	Vốn vay ngân hàng thế giới WB từ nguồn vốn IDA và vốn đối ứng ngân sách nhà nước	
11	Kè hạ lưu hồ Hội Sơn	Sông La Tinh	860,8	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	7.689.938.975	Vốn vay ngân hàng thế giới WB từ nguồn vốn IDA và vốn đối ứng ngân sách nhà nước	
12	Đê Thủ Tinh, xã Cát Minh, huyện Phù Cát	Sông La Tinh	1.092,3	Thân kè đắp đất, đầm chặt K=0,95. Mái phía sông gia cố đá học lát khan dày 20cm	5.001.605.000	Vốn vay ngân hàng thế giới WB từ nguồn vốn IDA và vốn đối ứng ngân sách nhà nước	
13	Kè chống sạt lở sông La Tinh đoạn từ thôn Vĩnh Thành đến thôn Thái Phú, xã Cát Tài, huyện Phù Cát	Sông La Tinh	2.537,9	Thân kè đắp đất, đầm chặt K=0,95. Mái phía sông gia cố bằng đá xây VXM M100	31.683.455.000	Vốn vay ngân hàng thế giới WB từ nguồn vốn IDA và vốn đối ứng ngân sách nhà nước	

TT	Tên công trình	Tuyến sông, bờ biển	Chiều dài (m)	Kết cấu công trình	Kinh phí (đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
14	Kè sông Kôn đoạn Trường Cửu và đoạn kè thôn Đông Lâm, xã Nhơn Lộc	Sông Kôn	1.036,1	Thân kè đắp đất, đầm chặt K=0,95. Mái phía sông gia cố đá hộc lát khan dày 20cm	7.210.298.000	Vốn Ngân sách Trung ương và vốn ngân sách tỉnh	
15	Kè Suối Rao đoạn thị trấn Vân Canh (đoạn 3)	Sông Hà Thanh	609,0	Thân kè đắp đất, đầm chặt K=0,95; mái phía sông gia cố đá hộc lát khan	16.897.073.000	Vốn vay ngân hàng thế giới WB từ nguồn vốn IDA và vốn đối ứng ngân sách nhà nước	
16	Kè Hòn Mè đoạn xã Canh Thuận (đoạn 2)	Sông Hà Thanh	364,0	Thân kè đắp đất, đầm chặt K=0,95; mái phía sông gia cố đá hộc lát khan			
17	Kè Canh Vinh đoạn 1-1	Sông Hà Thanh	372,0	Thân kè đắp đất, đầm chặt K=0,95; mái phía sông gia cố đá hộc lát khan			
18	Kè Canh Vinh đoạn 1-2	Sông Hà Thanh	640,5	Thân kè đắp đất, đầm chặt K=0,95; mái phía sông gia cố đá hộc lát khan			

TT	Tên công trình	Tuyến sông, bờ biển	Chiều dài (m)	Kết cấu công trình	Kinh phí (đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
19	Kè chống xói lở bờ suối Tà Dinh và suối Xem	Suối Xem	1.174,0	Thân kè đắp đất, đầm chặt K=0,95; mái phía sông gia cố đá hộc lát khan	8.891.101.000	Vốn vay ngân hàng thế giới WB từ nguồn vốn IDA và vốn đối ứng ngân sách nhà nước	
20	Kè chống xói lở bờ sông Kôn, thị trấn Vĩnh Thạnh, đoạn Hà Rơn đến Dốc Tỉnh	Sông Kôn	754,4	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	45.091.217.000	Vốn vay ngân hàng thế giới WB từ nguồn vốn IDA và vốn đối ứng ngân sách nhà nước	
21	Kè chống xói lở bờ sông Kôn, thị trấn Vĩnh Thạnh, công Cây Trâm đến cầu Định Bình	Sông Kôn	1.106,4	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn			
22	Kè chống sạt lở bờ sông Hà Thanh đoạn qua xã Phước Mỹ	Sông Hà Thanh	881,6	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	8.728.833.000	Vốn vay ngân hàng thế giới WB từ nguồn vốn IDA và vốn đối ứng ngân sách nhà nước	
23	Đê Trường Giang, xã Phước Sơn	Sông Trường Giang	708,2	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	7.024.776.000	Vốn vay ngân hàng thế giới WB từ nguồn vốn IDA và vốn đối ứng ngân sách nhà nước	

TT	Tên công trình	Tuyến sông, bờ biển	Chiều dài (m)	Kết cấu công trình	Kinh phí (đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
24	Tuyến đê bờ tả huyện Phù Mỹ (thượng lưu đập Cây Ké)	Sông La Tinh	1.809,9	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	25.200.000.000	Nguồn kinh phí hỗ trợ của Trung ương khắc phục hậu quả do mưa lớn giữa tháng 10 và bão số 5, 6 năm 2019	
25	Kè chống xói lở suối Bình Trị (đoạn bờ tả từ cầu Bình Trị đến đập dâng Cây Ké)	Suối Bình Trị	1.502,9	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	54.900.000.000	Vốn Ngân sách Trung ương và vốn ngân sách tỉnh	
26	Kè chống xói lở suối Bình Trị (đoạn bờ tả từ cầu Bình Trị đến đập dâng Cây Ké)	Suối Bình Trị	707,0	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	7.362.180.000	Vốn Ngân sách Trung ương và vốn ngân sách tỉnh	
27	Đê sông Kôn, đoạn từ cầu xe lửa đến trạm bơm Tam Bích, thôn Thạnh Danh, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn	Sông Kôn	938,00	Thân kè đắp đất, đầm chặt K=0,95. Mái phía sông gia cố đá hộc lát khan dày 20cm	11.399.804.000	Vốn Ngân sách Trung ương và vốn ngân sách tỉnh	
28	Tuyến kè bờ hữu sông Đập Đá	Sông Kôn	1.087,0	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	45.943.310.000	Vốn từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương hỗ trợ và vốn ngân sách địa phương	
29	Tuyến kè bờ tả sông Cẩm Văn, xã Nhơn An	Sông Kôn	964,7				

TT	Tên công trình	Tuyến sông, bờ biển	Chiều dài (m)	Kết cấu công trình	Kinh phí (đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
30	Tuyến kè bờ tả sông Cẩm Văn xã Nhơn An (Bổ sung tuyến kè đoạn bờ tả từ cầu Ông Ổi về hạ lưu)	sông Côn	301,3				
31	Tuyến kè bờ hữu sông Côn xã Nhơn Phúc	Sông Côn	2.201,8				
32	Tuyến kè bờ tả sông Côn xã Nhơn Khánh	sông Côn	390,3				
33	Kè Sông Súc, xã Nhơn Phúc, thị xã An Nhơn	Sông Côn	650,0	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	6.575.726.000	Vốn ngân sách tỉnh, thị xã và phường	
34	Từ cầu Trường Thi đến đập dâng Thanh Hòa 2	Sông Côn	1.530,6	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	51.118.218.000	Nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2019 và vốn ngân sách địa phương	
35	Từ đập dâng Thanh Hòa 2 đến thượng lưu cầu Tân An	Sông Côn	1.688,1	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn			

TT	Tên công trình	Tuyến sông, bờ biển	Chiều dài (m)	Kết cấu công trình	Kinh phí (đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
36	Đê phía bờ hữu từ giáp cầu Trường Thi về thượng lưu	Sông Kôn	710,7	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn			
37	Kè Trạm bơm Gò Bồi đến cầu Nhè Hà, xã Canh Vinh	Sông Hà Thanh	530,5	Thân kè đắp đất, đầm chặt K=0,95; mái phía sông gia cố đá hộc lát khan	5.323.223.000	Vốn NSTW (Nghị quyết 30a), vốn ngân sách tỉnh, huyện	
38	Xây dựng mới đập dâng Nha Phu, gia cố xói lở 2 bờ thượng hạ lưu và tràn bên	Sông Kôn	1.020,4	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	68.966.058.000		
39	Khắc phục lũ lụt sạt lở Kè chống sạt lở khu sản xuất tái định cư hồ Đồng Mít, sông An Lão (Tuyến kè khu đất sản xuất số 01 xã An Trung)	Sông An Lão	1.323,7	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	14.900.000.000	Vốn Ngân sách Trung ương hỗ trợ kinh phí cho các địa phương khắc phục hậu quả bão số 5, 6, 7, 8, 9 và mưa lũ tháng 10 năm 2020 tại Miền Trung và Tây Nguyên) và vốn ngân sách tỉnh	
40	Khắc phục lũ lụt sạt lở Kè chống sạt lở khu sản xuất tái định cư hồ Đồng Mít, sông An Lão (Tuyến kè khu đất sản xuất số 02 xã An Trung)	Sông An Lão	865,8				

TT	Tên công trình	Tuyến sông, bờ biển	Chiều dài (m)	Kết cấu công trình	Kinh phí (đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
41	Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở bờ sông An Lão, huyện An Lão.	Sông An Lão	983,0	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; Mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	11.593.042.000	Vốn Ngân sách Trung ương hỗ trợ kinh phí cho các địa phương khắc phục hậu quả bão số 5, 6, 7, 8, 9 và mưa lũ tháng 10 năm 2020 tại Miền Trung và Tây Nguyên) và vốn ngân sách tỉnh	
42	Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở sông Kim Sơn, phường Hoài Đức, thị xã Hoài Nhơn	Sông Kim Sơn	1.588,0	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; Mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	28.000.000.000	Vốn Ngân sách Trung ương và vốn ngân sách tỉnh	
43	Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở, ngăn lũ sông Lại Giang, đoạn qua khu dân cư Phú An, phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn	Sông Lại Giang	928,8	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; Mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	14.000.000.000	Vốn Ngân sách Trung ương và vốn ngân sách tỉnh	
44	Nâng cấp kè cầu Phong Thạnh (đoạn thị trấn Tăng Bạt Hổ)	Sông Kim Sơn	873,4	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; Mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	14.629.623.000	Vốn ngân sách tỉnh, thị xã và phường	

TT	Tên công trình	Tuyến sông, bờ biển	Chiều dài (m)	Kết cấu công trình	Kinh phí (đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
45	Khắc phục lũ lụt sạt lở Kè chống sạt lở bờ sông An Lão (huyện Hoài Ân)	Sông An Lão	823,0	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; Mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	7.118.641.000	Vốn Ngân sách Trung ương hỗ trợ kinh phí cho các địa phương khắc phục hậu quả bão số 5, 6, 7, 8, 9 và mưa lũ tháng 10 năm 2020 tại Miền Trung và Tây Nguyên) và vốn ngân sách tỉnh	
46	Kè từ Cầu Ngòi đến cảng Đền Gi	Đầm Đền Gi	1.593,4	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; Mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	48.000.000.000	Nguồn NSTW hỗ trợ khắc phục hậu quả do các cơn bão và mưa lũ năm 2020 và ngân sách tỉnh	
47	Khắc phục lũ lụt sạt lở Kè chống sạt lở bờ sông La Tinh	Sông La Tinh	1.800,0	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; Mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	23.962.165.000	Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ và vốn ngân sách tỉnh	
48	Kè Gò Me, xã Nhơn Thọ	Sông Côn	981,00	Thân kè đắp đất, đầm chặt K=0,95. Mái phía sông gia cố đá hộc lát khan dày 20cm	9.933.551.000	Vốn ngân sách tỉnh, thị xã và phường	

TT	Tên công trình	Tuyến sông, bờ biển	Chiều dài (m)	Kết cấu công trình	Kinh phí (đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
49	Kè Xóm 6 Hiếu An, xã Nhơn Khánh	Sông Côn	638,5	Thân kè đắp đất, đầm chặt K=0,95. Mái phía sông gia cố đá hộc lát khan dày 20cm	8.173.909.000	Vốn ngân sách tỉnh, thị xã và phường	
50	Khắc phục lũ lụt sạt lở Kè chống sạt lở bờ sông La Tinh	Sông Lại Giang	1.800,0	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; Mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	23.962.165.000	Vốn Ngân sách Trung ương và vốn ngân sách tỉnh	
51	Kè sông Hà Thanh tại thôn 4 xã Canh Hiệp	Sông Hà Thanh	650,0	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; Mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	6.990.188.000	Vốn NSTW (Nghị quyết 30a), vốn ngân sách tỉnh, huyện	
52	Khắc phục lũ lụt sạt lở, kè chống sạt lở bờ sông Côn	Sông Côn	1.822,5	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; Mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	19.826.520.000	Vốn Ngân sách Trung ương và vốn ngân sách tỉnh	

TT	Tên công trình	Tuyến sông, bờ biển	Chiều dài (m)	Kết cấu công trình	Kinh phí (đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
53	Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai Kè chống sạt lở Thê Thạnh – Phú Văn, xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân.	Sông Kim Sơn	2001	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; Mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	27.000.000.000	Vốn Ngân sách Trung ương hỗ trợ khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai năm 2021 trên địa bàn tỉnh và vốn ngân sách địa phương	
54	Hạng mục: Bổ sung tuyến kè có chiều dài khoảng 500m, công trình: Kè chống sạt lở nam sông Lại Giang (đoạn từ kè cũ đến Cầu Phao)	Sông Lại Giang	500,0	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; Mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn M250		Vốn ngân sách tỉnh, thị xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	
55	Hạng mục: Tuyến kè bờ hữu thượng lưu cầu Trường Xuân có chiều dài 630,5m; Công trình: Kè chống xói lở và hệ thống ngăn mặn thôn Trường Xuân Tây, xã Tam Quan Bắc	Sông Lại Giang	630,5	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; Mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn M250, kích thước (45x45x10)cm	12.041.624.000	Vốn ngân sách tỉnh, thị xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	

TT	Tên công trình	Tuyến sông, bờ biển	Chiều dài (m)	Kết cấu công trình	Kinh phí (đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
56	Kè nhánh sông Hà Thanh (đoạn từ cầu chữ Y đến giáp cầu Lê Thanh Nghị), phường Đồng Đa	Sông Hà Thanh	585,46	Thân kè đắp đất đầm chặt K95. Mái phía sông gia cố bằng tấm bê tông đúc sẵn M200 đá 1x2, kích thước (45x45x10)cm	38.444.000.000	Vốn ngân sách tỉnh, thị xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	
57	Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	Sông Hà Thanh	1097	Thân kè đắp đất đầm chặt K95. Mái phía sông gia cố bằng tấm bê tông đúc sẵn	17.970.964.813	Vốn ngân sách tỉnh	
58	Hạng mục: Kè suối Nhiên, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh và Kè bảo vệ 2 bên đầu cầu và gia cố mặt đầu cầu Ngô La, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh Dự án: Khắc phục hậu quả thiên tai năm 2021 trên địa bàn huyện Tây Sơn, Vĩnh Thạnh và Vân Canh	Sông Hà Thanh	450; 96,2	Thân kè đắp đất đầm chặt K95. Mái phía sông gia cố bằng tấm bê tông đúc sẵn	55.000.000.000	Vốn hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai 2021 và các nguồn vốn hợp pháp khác	

TT	Tên công trình	Tuyến sông, bờ biển	Chiều dài (m)	Kết cấu công trình	Kinh phí (đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
59	Kè Soi Ông Thức, khu vực Long Quang, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn (phần điều chỉnh, bổ sung)	Sông Côn	1068	Thân kè đắp đất, đầm chặt K=0,95. Mái phía sông gia cố đá hộc lát khan dày 20cm	21.623.643.000	Vốn ngân sách tỉnh, thị xã và phường	
60	Xây dựng tuyến kè từ cầu Đập Đá cũ đến giáp cầu xe lửa, phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn	Sông Côn	1846,1	Thân kè đắp đất, đầm chặt K=0,95. Mái phía sông gia cố đá hộc lát khan dày 20cm	14.464.994.000	Vốn ngân sách tỉnh, thị xã và phường	
61	Kè sông Côn (đoạn bờ Ông Lộc, khu vực Phú Quang) phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn	Sông Côn	1276,3	Thân kè đắp đất, đầm chặt K=0,95. Mái phía sông gia cố đá hộc lát khan dày 20cm	14.775.089.000	Vốn ngân sách tỉnh, thị xã và phường	
62	Kè bờ hữu sông Côn, xã Tây Thuận và xã Bình Tường huyện Tây Sơn và Kè bờ hữu sông Côn, thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh, dự án: Khắc phục hậu quả thiên tai năm 2021 trên địa bàn huyện Tây Sơn, Vĩnh Thạnh và Vân Canh	Sông Côn	2.800,0	Thân kè đắp đất đầm chặt K95. Mái phía sông gia cố bằng tấm bê tông đúc sẵn	55.000.000.000	Vốn hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai 2021 và các nguồn vốn hợp khác	

TT	Tên công trình	Tuyến sông, bờ biển	Chiều dài (m)	Kết cấu công trình	Kinh phí (đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
63	Hạng mục: Đê bờ hữu sông La Tinh, xã Cát Hanh, huyện Phù Cát, Dự án: Khắc phục hậu quả thiên tai năm 2021 trên địa bàn huyện Phù Cát, Hoài Ân và An Lão	La Tinh	1543,4	Thân kè đắp đất đầm chặt K95. Mái phía sông gia cố bằng tấm bê tông đúc sẵn	47.000.000.000	Vốn hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai 2021 và các nguồn vốn hợp khác	Đang thi công các hạng mục trên địa bàn huyện Hoài Ân
64	Đê đội 12 khu vực Vạn Thuận, phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn	Sông Kôn	1020,2	Thân kè đắp đất đầm chặt K95. Mái phía sông gia cố bằng tấm bê tông đúc sẵn	13.825.826.000	Vốn ngân sách tỉnh, thị xã và phường	
65	Kè bảo vệ khu dân cư dọc bờ sông Hoài Hải, đoạn từ thôn Kim Giao Nam đến thôn Kim Giao Bắc (giai đoạn 1)	Cửa An Dũ	1.035,0	Đoạn tường đứng chiều dài 1.000 m, đoạn mái nghiêng gia cố bằng tông đúc sẵn	41.244.383.000	Vốn ngân sách tỉnh, thị xã và phường	Đang thi công
II	Công trình bảo vệ bờ biển		2.441,0		123.900.000.000,0		

TT	Tên công trình	Tuyến sông, bờ biển	Chiều dài (m)	Kết cấu công trình	Kinh phí (đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
1	Đê Nhon Hải		1.266,0	Kết cấu thân kè bằng đất đầm chặt K95; gia cố mái kè bằng tấm lát BT đúc sẵn (0,6x0,6x0,4)m, dầm 2x4 dày 20cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật trong khung giằng BTCT; gia cố mặt kè bằng BT kết hợp làm đường giao thông; gia cố chân kè bằng khối BT đúc sẵn phía trên chân kè được khóa bằng dầm BTCT phía ngoài được thấm đá hộc	88.700.000.000,0	Vốn Ngân sách Trung ương và vốn ngân sách tỉnh	

TT	Tên công trình	Tuyến sông , bờ biển	Chiều dài (m)	Kết cấu công trình	Kinh phí (đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
2	Đê Nhon Lý		1.175,0	Đoạn thôn Lý Chánh - Lý Hòa: Gia cố mái kè bằng tấm lát BT đúc sẵn (1,0x1,0x0,4)m, dầm 2x4 dày 30cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật trong khung giằng BTCT; gia cố chân kè bằng khối BT đúc sẵn phía trên chân kè được khóa bằng dầm BTCT phía ngoài được tham đá học; Đoạn thôn Lý Hưng - Suối Cả: Kết cấu bằng tường đứng BTCT; gia cố mặt kè bằng đất đầm chặt K95; gia cố chân kè bằng ống buy BTLT phía ngoài được tham đá học.	35.200.000.000,0	Vốn Ngân sách Trung ương và vốn ngân sách tỉnh	

PHỤ LỤC 2
TỔNG HỢP CÁC KHU VỰC SẠT LỞ BỜ SÔNG, BỜ BIỂN ĐẶC BIỆT NGUY HIỂM
NHƯNG CHƯA ĐƯỢC BỐ TRÍ VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
(Kèm theo Văn bản số: /UBND-KT ngày / /2023 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Tên công trình	Tuyến sông, bờ biển	Chiều dài (m)	Kết cấu công trình	Kinh phí (đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
	Tổng		12.790,00		1.094.350.000.000		
I	Công trình bảo vệ bờ sông		6.290,00		94.350.000.000		
1	Khu vực sạt lở Vườn Trũng, thôn Mỹ Thành	Sông An Lão	1.100,0	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	16.500.000.000	Vốn Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác	
2	Khu vực sạt lở thôn Bình Sơn	Sông Kim Sơn	900,0	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	13.500.000.000	Vốn Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác	
3	Tuyến suối từ hạ lưu cầu đập Ổi đến đập Bầu Lát thôn Hy Tường	Suối	740,0	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	11.100.000.000	Vốn Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác	

TT	Tên công trình	Tuyến sông, bờ biển	Chiều dài (m)	Kết cấu công trình	Kinh phí (đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
4	Bờ suối thượng lưu cầu Chín Kiềm	Suối	300,0	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	4.500.000.000	Vốn Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác	
5	Khu vực sạt lở Nam cầu Gành	Sông Kôn	500,0	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	7.500.000.000	Vốn Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác	
6	Thôn An Long 1, xã Canh Vinh.	Sông Hà Thanh	750,0	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	11.250.000.000	Vốn Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác	
7	Kè dọc 2 bên bờ sông Hà Thanh đoạn qua địa bàn xã Canh Hiên	Sông Hà Thanh	1.000,0	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	15.000.000.000	Vốn Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác	

TT	Tên công trình	Tuyến sông, bờ biển	Chiều dài (m)	Kết cấu công trình	Kinh phí (đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
8	Từ cầu Bình Long đến sông Ngang thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh.	Sông Hà Thanh	1.000,0	Thân kè: Đắp đất đầm chặt K95; mái kè phía sông: Gia cố bằng bê tông tấm lát đúc sẵn	15.000.000.000	Vốn Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác	
II	Công trình bảo vệ bờ biển		6.500,0	0,0	1.000.000.000.000,0		
1	Dự án Khắc phục khẩn cấp bờ biển thị xã Hoài Nhơn		6.500,0	Kết cấu thân kè bằng đất đầm chặt K95; gia cố mái kè bằng tấm lát BT đúc sẵn	1.000.000.000.000	Vốn Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác	